

**PHỤ LỤC _ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SGDĐT ngày /6/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung	
	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (Báo cáo 164/BC-STP ngày 18/6/2021)	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu giải trình
1	<p>Sự cần thiết ban hành</p> <p>Thực hiện Công văn số 1505/BGDĐT-KHTC ngày 16/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị chỉ đạo và quán triệt thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022 và công tác chỉ đạo điều hành giá năm 2021⁽¹⁾; Thông báo số 29/TB-TTHĐND ngày 10/6/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về đề nghị xây dựng Nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021, việc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết: “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021 cho năm học 2021-2022” là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	
2	<p>Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</p> <p>Sở Tư pháp nhận thấy, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với các nội dung có trong dự thảo Nghị quyết.</p>	
3	<p>Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp</p>	

⁽¹⁾ “Để chia sẻ khó khăn, giảm bớt gánh nặng tài chính với phụ huynh, học sinh và người dân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid và các đợt thiên tai bão lũ ở nhiều địa phương trong thời gian vừa qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã lấy ý kiến các bộ, ngành, các địa phương về dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và báo cáo Chính phủ xem xét cho phép giữ nguyên mức học phí của năm học 2021-2022 ổn định không tăng so với năm học 2020-2021”; “Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các bộ ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan liên quan, các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý giữ ổn định mức học phí của năm học 2021-2022 như năm học 2020-2021 được quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP”.

TT	Nội dung	
	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (Báo cáo 164/BC-STP ngày 18/6/2021)	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu giải trình
	<p>của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết</p> <p>Dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; dự thảo không đặt ra các quy định trái với văn bản có giá trị pháp lý cao hơn, cơ bản thống nhất với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:</p> <p>3.1. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức học phí tại Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND theo vùng để phù hợp với thực tế địa phương. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND còn căn cứ vào quy định về các thôn đặc biệt khó khăn theo quyết định của cấp có thẩm quyền để xác định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (<i>học phí</i>) mà người học phải nộp (<i>hoặc làm cơ sở để cấp bù từ ngân sách</i>). Tuy nhiên, hiện nay theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, không còn thôn đặc biệt khó khăn.</p> <p>Do không còn thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của cấp có thẩm quyền nên quy định về thôn đặc biệt khó khăn tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND không còn phù hợp. Vì vậy, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc xử lý đối với quy định không còn phù hợp ở thời điểm hiện tại. Theo quan điểm của Sở Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kéo dài thời gian thực hiện giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (<i>học phí</i>) được quy định tại Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND đồng thời sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2020/NQ-</p>	<p>Sở GDĐT giải trình như sau: Theo điểm 4 Điều 7 Quyết định 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025: “<i>Ủy ban Dân tộc tổng hợp, tổ chức thẩm định, quyết định phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn...</i>”. Theo đó, UBND tỉnh Kon Tum đã có Báo cáo số 11/BC-UBND, ngày 19/01/2021 gửi Ủy ban Dân tộc báo cáo kết quả rà soát, phân định vùng DTTS&MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Khi Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Chính phủ ban hành quyết định phê duyệt danh sách thôn đặc biệt</p>

TT	Nội dung	
	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (Báo cáo 164/BC-STP ngày 18/6/2021)	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu giải trình
4	<p>HĐND cho phù hợp với quy định hiện nay về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025⁽²⁾.</p> <p>3.2. Về thể thức của văn bản</p> <p>3.2.1. Tại căn cứ ban hành văn bản thứ 6, đề nghị ghi đúng cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, đồng thời trình bày đầy đủ tên gọi của văn bản được sử dụng làm căn cứ ban hành văn bản, cụ thể: “<i>Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;</i>”.</p> <p>3.2.2. Đề nghị loại bỏ căn cứ ban hành văn bản thứ 7 là: “<i>Công văn số 1505/BGDĐT-KHTC ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị chỉ đạo và quán triệt thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022 và công tác chỉ đạo điều hành giá năm 2021</i>”. Lý do: Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn. Tuy nhiên, Công văn số 1505/BGDĐT-KHTC không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Trường hợp cần thiết sử dụng Công văn số 1505/BGDĐT-KHTC, tại phần căn cứ</p>	<p>khó khăn thuộc xã khu vực II, xã khu vực I (trong đó có tỉnh Kon Tum), sẽ tổ chức triển khai theo đúng quy định. Hiện tại các thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Kon Tum vẫn áp dụng theo danh sách thôn đặc biệt khó khăn mà Ban Dân tộc đã cung cấp tại Công văn số 466/BDT-CSĐT ngày 07/6/2021 cho đến khi Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc có Quyết định phê duyệt thay thế, bổ sung (<i>gửi kèm Báo cáo số 11/BC-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh, Công văn số 492/BDT-CSĐT ngày 14/6/2021, Công văn số 466/BDT-CSĐT ngày 07/6/2021 của Ban Dân tộc tỉnh</i>).</p> <p>Tiếp thu, bổ sung tên đầy đủ.</p> <p>Sở GDĐT tiếp thu, biên tập thành: “Thực hiện Công văn số 1505/BGDĐT-KHTC ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị chỉ đạo...”</p>

⁽²⁾ Khi quyết định tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kéo dài thời gian thực hiện giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí) và sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND, cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, điều chỉnh lại tên gọi, phạm vi điều chỉnh dự thảo Nghị quyết.

TT	Nội dung	
	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (Báo cáo 164/BC-STP ngày 18/6/2021)	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu giải trình
5	<p>ban hành văn bản, đề nghị trình bày như sau: “Thực hiện Công văn số 1505/BGDĐT-KHTC ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị chỉ đạo...;”.</p> <p>Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản</p> <p>Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại một số điều, khoản, điểm tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) và Mẫu số 16. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp) (của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).</p>	
6	<p>Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản</p> <p>Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết⁽³⁾; tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 129 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015⁽⁴⁾.</p> <p>Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định</p>	<p>Tiếp thu.</p> <p>Sở GDĐT tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định dự thảo NQ.</p>

⁽³⁾ Công văn số 967/SGDĐT-KHTC ngày 10/6/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

⁽⁴⁾ Qua kiểm tra, theo dõi, Sở Tư pháp nhận thấy, tính đến thời điểm Sở Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ thẩm định (ngày 13/6/2021), dự thảo Nghị quyết chưa hết thời hạn lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản (ngày 10/7/2021); vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tổng hợp các ý kiến tham gia, hoàn chỉnh dự thảo trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (đối với ý kiến tham gia không được tiếp thu, đề nghị giải trình).

TT	Nội dung	
	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (Báo cáo 164/BC-STP ngày 18/6/2021)	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu giải trình
	<p>thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (<i>trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định</i>). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (<i>đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>).</p>	